

Legal Insight

Topic

CISG – HÀNH TRÌNH THỐNG NHẤT VÀ HÀI HÒA HÓA PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

Góc nhìn thực tiễn của SENLAW



Nguyễn Phương Liên
Thạc sĩ, Luật sư



Nguyễn Hoàng Như Hân
Trợ lý Luật sư

Công ước Viên năm 1980 về Hợp đồng Mua bán Hàng hóa Quốc tế (CISG) là một trong những điều ước quốc tế quan trọng nhất trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế hiện nay. Với phạm vi điều chỉnh bao quát và khả năng áp dụng linh hoạt, Công ước đã thiết lập một khuôn khổ pháp lý thống nhất để điều chỉnh các quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, góp phần thu hẹp sự khác biệt giữa các hệ thống pháp luật quốc gia.

Trong bối cảnh thương mại quốc tế ngày càng mở rộng và đa dạng hóa về chủ thể, hình thức giao dịch cũng như chịu sự điều chỉnh của các hệ thống pháp luật khác nhau, nhu cầu về một khung pháp lý chung nhằm giảm thiểu xung đột pháp luật và tăng cường tính ổn định, dự đoán được của quan hệ mua bán hàng hóa trở nên ngày càng rõ nét. CISG ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu đó, đồng thời tạo thuận lợi cho hoạt động giao thương xuyên biên giới và nâng cao mức độ an toàn pháp lý cho các bên trong hợp đồng.

Từ thực tiễn đó, có thể đặt ra một câu hỏi: CISG đã được hình thành trong bối cảnh lịch sử như thế nào và trải qua những giai đoạn phát triển ra sao trước khi trở thành một nền tảng pháp lý được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trên toàn cầu? Thông qua Bài viết này, SENLAW sẽ cùng bạn đọc tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của CISG, qua đó làm rõ những tiền đề quan trọng dẫn đến sự ra đời của một Công ước có giá trị cốt lõi đối với nền tảng thương mại quốc tế ngày hôm nay.

1. Bối cảnh ra đời

1.1. Thế kỷ XX – câu chuyện về thực tiễn thương mại quốc tế, pháp luật quốc gia và hơn thế

Trước thế kỷ XX, hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế diễn ra trong một bối cảnh pháp lý đầy biến động và thiếu tính dự đoán. Việc giải quyết tranh chấp giữa các thương nhân thường chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tập quán địa phương, sự khác biệt về văn hóa và sự đa dạng của các hệ thống pháp luật quốc gia. Khi phát sinh mâu thuẫn về luật điều chỉnh, cơ quan tài phán buộc phải viện đến các nguyên tắc tư pháp quốc tế – như *lex loci contractus* (luật nơi giao kết hợp đồng), *lex loci solutionis* (luật nơi thực hiện nghĩa vụ) hay *lex fori* (luật của tòa án) – để lựa chọn luật áp dụng.

Tuy nhiên, việc dựa vào cơ chế chọn luật này về lâu dài lại khiến tranh chấp thương mại quốc tế trở nên thiếu ổn định và khó dự đoán. Mỗi quốc gia có một cách tiếp cận khác nhau trong việc lựa chọn pháp luật điều chỉnh, dẫn đến sự thiếu đồng bộ và khó đoán định. Do đó, các bên trong quan hệ mua bán luôn có nguy cơ phải đối mặt với việc áp dụng một hệ thống pháp luật hoàn toàn xa lạ. Chính những yếu tố này đã tạo thành những bức tường vô hình đối với sự phát triển của hoạt động thương mại xuyên biên giới.

Trong bối cảnh đó, từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, nhu cầu hài hòa hóa pháp luật điều chỉnh hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế đã trở nên ngày càng cấp bách. Chính nhận thức này đã đặt nền móng cho những nỗ lực đầu tiên hướng tới việc xây dựng một hệ thống quy phạm thống nhất, tạo cơ sở pháp lý minh bạch và đồng bộ hơn cho thương mại toàn cầu.

1.2. Trước Thế chiến thứ II: Khởi nguồn của ý tưởng thống nhất pháp luật mua bán hàng hóa quốc tế

Nỗ lực đầu tiên trong việc thiết lập một khuôn khổ pháp lý chung cho hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế gắn liền với sự ra đời của Viện Thống nhất Tư pháp Quốc tế (UNIDROIT). Được thành lập vào ngày 3/9/1926 tại Rome và chính thức đi vào hoạt động từ 30/5/1928, UNIDROIT mang sứ mệnh nghiên cứu, xây dựng và đề xuất các giải pháp nhằm hài hòa hóa và thống nhất luật tư trên phạm vi quốc tế. Đây được xem là bước khởi đầu quan trọng đặt nền móng cho tiến trình hài hòa hóa và nhất thể hóa pháp luật về mua bán hàng hóa quốc tế sau này.

Tại UNIDROIT, một nhân vật có ảnh hưởng đặc biệt quan trọng là Ernst Rabel – học giả người Áo, Giám đốc Viện Luật nước ngoài và Luật quốc tế tư Kaiser Wilhelm tại Berlin. Ông là một trong những thành viên chủ chốt của ủy ban UNIDROIT và cũng là người khởi xướng ý tưởng xây dựng một bộ quy tắc thống nhất điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Với nền tảng học thuật sâu rộng cùng kinh nghiệm dày dặn trong lĩnh vực luật tư và luật so sánh, Rabel đã có những đóng góp quan trọng cả về mặt nghiên cứu lẫn định hướng chiến lược cho tiến trình này.

Ngày 21/2/1929, Rabel đã đệ trình lên UNIDROIT báo cáo sơ bộ về khả năng thống nhất pháp luật về mua bán hàng hóa quốc tế. Tiếp đó, ngày 29/4/1930, một ủy

ban gồm các đại diện từ nhiều hệ thống pháp luật – bao gồm Anglo-Saxon (Thông luật), Latin (Dân luật – truyền thống pháp luật la mã – Châu Âu lục địa), Germanic (Dân luật – chịu ảnh hưởng chính từ pháp luật Đức) và Scandinavian (Hệ thống pháp luật Bắc Âu) – được thành lập để tiếp tục nghiên cứu và phát triển dự án. Trong vòng bốn năm, ủy ban đã tổ chức nhiều cuộc họp nhằm thảo luận, phân tích và xây dựng nền tảng cho việc xây dựng một “đạo luật” thống nhất.

Đến năm 1935, bản dự thảo đầu tiên của luật thống nhất về mua bán hàng hóa quốc tế chính thức được công bố, đánh dấu một cột mốc quan trọng của tiến trình này.

Song song với việc hoạt động tại UNIDROIT, Rabel vẫn tiếp tục dành nhiều tâm huyết cho những nghiên cứu học thuật chuyên sâu. Năm 1936, ông xuất bản tập đầu tiên của công trình kinh điển *Das Recht des Warenkaufs*, trong đó ông phân tích và hệ thống hóa toàn diện pháp luật về mua bán hàng hóa trên cơ sở so sánh, đối chiếu giữa nhiều hệ thống pháp luật khác nhau – đặt ra những tiền đề lý luận quan trọng cho sự phát triển của pháp luật thương mại quốc tế về mua bán hàng hóa trong các thập kỷ tiếp theo.

Tuy nhiên, sự bùng nổ của Chiến tranh Thế giới thứ II đã khiến toàn bộ những nỗ lực này bị gián đoạn. Rabel sau đó buộc phải di cư sang Hoa Kỳ. Giai đoạn đầu tiên của tiến trình xây dựng một hệ thống pháp luật thống nhất về mua bán hàng hóa quốc tế cũng đã được khép lại từ đó.

1.3. Sau Thế chiến thứ II: Sự ra đời của hai Công ước La Haye về mua bán hàng hóa quốc tế

Sau khi Chiến tranh Thế giới thứ II kết thúc, nhu cầu thiết lập một nền tảng pháp lý thống nhất cho hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Trong bối cảnh phải liên tục và ráo riết phục hồi kinh tế, đồng thời đẩy mạnh mở rộng thương mại ra phạm vi toàn cầu, các quốc gia buộc phải triển khai những bước đi mang tính “ngay tức khắc” nhằm tháo gỡ các rào cản pháp lý và tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động thương mại phát triển. Trên tinh thần đó, tháng 1/1951, Chính phủ Hà Lan đã triệu tập một hội nghị ngoại giao tại La Haye nhằm thảo luận về khả năng xây dựng một bộ quy phạm thống nhất điều chỉnh quan hệ hợp đồng trong hoạt động mua bán hàng hóa xuyên quốc gia.

Kết quả của những nỗ lực này là sự ra đời của hai Công ước La Haye năm 1964, đánh dấu bước tiến quan trọng đầu tiên trong quá trình hài hòa hóa pháp luật thương mại quốc tế:

- ***Công ước về Luật Thống nhất về Thành lập Hợp đồng Mua bán Hàng hóa Quốc tế (ULF)*** – điều chỉnh toàn bộ giai đoạn hình thành hợp đồng, từ đề nghị giao kết (chào hàng) đến chấp nhận chào hàng.
- ***Công ước về Luật Thống nhất về Mua bán Hàng hóa Quốc tế (ULIS)*** – điều chỉnh về quyền, nghĩa vụ của người bán và người mua, cùng các biện pháp pháp lý được áp dụng khi một bên vi phạm nghĩa vụ.

Hai Công ước La Haye năm 1964 chính thức có hiệu lực vào năm 1972, đánh dấu những bước tiến quan trọng trong nỗ lực của cộng đồng quốc tế nhằm hài hòa hóa pháp luật điều chỉnh hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế.

Tuy nhiên, trên thực tế, hai Công ước La Haye năm 1964 lại không đạt được mức độ chấp nhận rộng rãi như kỳ vọng ban đầu. Tính đến thời điểm có hiệu lực, chỉ có chín quốc gia phê chuẩn các Công ước này, chủ yếu là nhóm các quốc gia Châu Âu.

Theo đánh giá của nhiều học giả, sự hạn chế trong mức độ được tiếp nhận của ULIS và ULF xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm cả yếu tố khách quan lẫn chủ quan, có thể khái quát qua một số phương diện tiêu biểu sau đây:

- **Quá trình soạn thảo thiếu đi tính đại diện khi hội nghị La Haye chỉ quy tụ 28 quốc gia, với sự tham gia rất ít từ các nước xã hội chủ nghĩa và các quốc gia đang phát triển.**

Sự thiếu vắng tiếng nói từ các nhóm quốc gia này khiến ULIS và ULF chịu nhiều đánh giá cho rằng chúng chỉ được xây dựng chủ yếu dựa trên nhóm lợi ích của các nước Tây Âu có nền công nghiệp phát triển mạnh mẽ, do đó – có nhiều quan điểm cho rằng hai Công ước này nghiêng về bảo vệ cho quyền lợi của bên bán hơn là bên mua. Nhận định này càng được củng cố trong bối cảnh trật tự thế giới lưỡng cực hình thành sau Hội nghị Ianta năm 1945, khi Chiến tranh Lạnh bước vào giai đoạn căng thẳng và đối đầu sâu sắc, làm gia tăng sự phân hóa về chính trị, kinh tế và quan điểm pháp lý giữa các nhóm quốc gia.

- **Cách tiếp cận pháp lý trừu tượng, khiến các quy định của ULIS và ULF trở nên khó hiểu và khó diễn giải để áp dụng thống nhất trong thực tiễn.**

Vốn là sản phẩm của nền khoa học pháp lý Tây Âu, các quy định của ULIS và ULF sử dụng nhiều thuật ngữ mang tính học thuật với mức độ khái quát cao, dẫn đến khó khăn trong việc hiểu và diễn giải nội dung pháp lý. Hệ quả là các quốc gia có thể diễn giải cùng một quy định theo những cách khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, làm phát sinh sự thiếu thống nhất trong quá trình áp dụng ở phạm vi quốc tế. Chính sự thiếu thống nhất này đã trở thành một hạn chế cốt lõi của ULIS và ULF, bởi nó đi ngược lại mục tiêu ban đầu của hai Công ước là thúc đẩy sự hài hòa và đồng nhất của pháp luật về mua bán hàng hóa quốc tế.

Đối với các quốc gia đang phát triển – nơi hệ thống tư pháp và thực tiễn xét xử chưa hoàn thiện hoặc chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc diễn giải và áp dụng các công ước quốc tế – vấn đề này được xem là một rào cản lớn. Các cơ quan giải quyết tranh chấp gặp khó khăn trong việc vận dụng quy định vào từng vụ việc cụ thể; doanh nghiệp thì lúng túng không biết phải hiểu và áp dụng thế nào cho đúng. Chính vì vậy, ULIS và ULF tuy có ý nghĩa về mặt học thuật, nhưng lại thiếu tính thực tiễn để trở thành một công cụ pháp lý hữu hiệu.

- **Phạm vi điều chỉnh của hai Công ước cũng không theo kịp thực tiễn thương mại quốc tế đang thay đổi mạnh mẽ vào thời điểm đó.**

Các quy định của ULIS và ULF được xây dựng chủ yếu dựa trên mô hình giao dịch giữa các quốc gia liền kề. Tuy nhiên, thương mại quốc tế lúc bấy giờ lại đang được mở rộng theo hướng xuyên biên giới và có cấu trúc phức tạp, đặc biệt gắn liền với vận tải đường biển – lĩnh vực đang chiếm tỷ trọng áp đảo trong hoạt động mua bán hàng hóa toàn cầu.

Chính vì vậy, hai Công ước không cung cấp được khung pháp lý phù hợp để điều chỉnh những vấn đề phát sinh trong các quan hệ mua bán với những chuỗi vận chuyển dài, nhiều chặng, liên quan đến nhiều chủ thể và có thể phải chịu sự điều chỉnh của nhiều hệ thống pháp luật khác nhau. Điều này khiến ULIS và ULF sớm trở nên lỗi nhịp so với nhu cầu thực tiễn.

2. Hình thành một Điều ước quốc tế mới – hài hòa và toàn diện hơn

2.1. Sự ra đời của UNCITRAL: sự thành hình của một Công ước mới

Trong bối cảnh ULIS và ULF không đạt được kỳ vọng trở thành bộ quy tắc thống nhất điều chỉnh hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế, ngày 17/12/1966, Liên Hợp Quốc đã quyết định thành lập Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế (UNCITRAL). Sứ mệnh của cơ quan này là thúc đẩy hài hòa hóa và nhất thể hóa pháp luật thương mại quốc tế trên phạm vi toàn cầu. Một trong những nhiệm vụ đầu tiên UNCITRAL được giao chính là đánh giá toàn diện hai Công ước La Haye năm 1964 để xác định liệu chúng còn khả năng được chấp thuận hay đã đến lúc thế giới cần một cách tiếp cận mới.

Đến năm 1968, sau khi thực hiện một số các đánh giá ban đầu, UNCITRAL đứng trước một quyết định mang tính bước ngoặt:

- Hoặc tiếp tục thúc đẩy việc gia nhập rộng rãi hơn đối với ULIS và ULF;
- Hoặc bắt đầu soạn thảo một công ước mới phù hợp hơn với thực tiễn thương mại quốc tế.

Để đưa ra lựa chọn đúng đắn, UNCITRAL đã triển khai một cuộc khảo sát quy mô lớn. Trong giai đoạn 1968–1969, Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc gửi bảng câu hỏi đến nhiều quốc gia nhằm thu thập ý kiến về khả năng phê chuẩn hai Công ước La Haye cũng như lý do cho lập trường của mình. Kết quả cho thấy đa số các quốc gia đều không có kế hoạch phê chuẩn ULIS và ULF.

Những phản hồi này đều thể hiện rất rõ ràng một quan điểm: hai Công ước La Haye khó có khả năng được công nhận và áp dụng rộng rãi để trở thành nền tảng pháp lý chung cho hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế. Thực tế đó đồng thời củng cố cho “quyết định cuối cùng” rằng đã đến lúc UNCITRAL cần khởi động việc xây dựng một công ước mới, phù hợp hơn với nhu cầu của thương mại quốc tế và có khả năng dung hòa vào tốt hơn vào hệ thống pháp luật của các quốc gia.

2.2. Quá trình soạn thảo CISG

Sau khi đi đến thống nhất về sự cần thiết phải xây dựng một văn kiện mới nhằm thay thế ULIS và ULF, UNCITRAL đã chính thức khởi động quá trình soạn thảo CISG. Toàn bộ công việc chuẩn bị – từ nghiên cứu, phân tích cho đến xây dựng cấu trúc pháp lý – đều do UNCITRAL trực tiếp chủ trì. Trên cơ sở tập hợp các cá nhân có uy tín và trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực thương mại quốc tế, các đại diện của UNCITRAL phản ánh sự kết hợp hài hòa giữa nhiều truyền thống pháp luật khác nhau, cùng với kinh nghiệm thực tiễn pháp lý đa dạng trong nhiều vai trò, bao gồm các học giả chuyên sâu về luật thương mại và luật so sánh, các luật sư hành nghề, cũng như các nhân sự thuộc các cơ quan nhà nước có nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động xây dựng pháp luật quốc tế.

Quá trình soạn thảo CISG về cơ bản đã khắc phục được những hạn chế mà ULIS và ULF từng gặp phải, trên cơ sở việc Công ước này được xây dựng bởi gồm 14 quốc gia, phản ánh sự đại diện đa dạng trong cơ cấu thành viên của UNCITRAL, đến từ nhiều truyền thống pháp luật khác nhau, và được tiến hành dưới sự bảo trợ của Liên Hợp Quốc. Nhờ đó, CISG vừa bảo đảm được tính đại diện vừa có được nền tảng để nhận được sự chấp thuận và áp dụng rộng rãi sau này.

Đồng thời, với sự tham gia và phối hợp tích cực của các học giả trên cơ sở hướng tới các giá trị hài hòa và lợi ích chung, nhóm soạn thảo đã sớm nhận diện những nguy cơ tiềm ẩn về xung đột trong cách hiểu và áp dụng pháp luật. Trên cơ sở đó, quá trình soạn thảo CISG thể hiện sự thận trọng và nhất quán trong lựa chọn thuật ngữ pháp lý và kỹ thuật diễn đạt, nhằm hạn chế cách hiểu khác nhau và nâng cao hiệu quả áp dụng Công ước trong thực tiễn.

Mặc dù mục tiêu là thay thế hai Công ước La Haye năm 1964, UNCITRAL không phủ nhận hoàn toàn những giá trị của ULIS và ULF. Ngược lại, hai Công ước này được sử dụng trong quá trình soạn thảo CISG như những cơ sở tham chiếu quan trọng: nhiều nội dung cốt lõi được kế thừa, đồng thời được điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung nhằm khắc phục các hạn chế đã khiến chúng không đạt được sự chấp nhận rộng rãi.

Cách tiếp cận này được thể hiện rõ trong tiến trình soạn thảo CISG: năm 1976, Nhóm công tác của UNCITRAL đã hoàn tất dự thảo đầu tiên dựa trên ULIS, tập trung vào các quy phạm điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, tách biệt với vấn đề hình thành hợp đồng. Tiếp đó, năm 1978, Nhóm công tác tiếp tục hoàn tất và ban hành Dự thảo Công ước về Hình thành hợp đồng dựa trên ULF. Trên cơ sở việc rà soát toàn diện hai dự thảo này, tại kỳ họp tháng 6 năm 1978, UNCITRAL đã quyết định hợp nhất chúng thành một Dự thảo Công ước thống nhất, điều chỉnh đồng thời việc hình thành hợp đồng (Phần II) và các quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (Phần III).

2.3. Hội nghị Viên năm 1980 và việc thông qua CISG

Vào tháng 3 năm 1980, một hội nghị ngoại giao với sự tham dự của đại diện 62 quốc gia và 8 tổ chức quốc tế đã được tổ chức tại Viên (Áo) nhằm hoàn tất việc xem xét và thông qua CISG.

Hội nghị ngoại giao này kéo dài trong khoảng năm tuần, từ tháng 3 đến tháng 4 năm 1980, và là giai đoạn cuối cùng trong tiến trình hình thành nên CISG.

Về phương thức làm việc, Hội nghị được tổ chức theo hai hình thức chính: phiên họp toàn thể (Plenary sessions) và các phiên làm việc của Ủy ban (Committees). Các phiên họp toàn thể chỉ diễn ra tại thời điểm khai mạc và bế mạc Hội nghị, trong khi phần lớn công việc chuyên môn liên quan đến việc hoàn thiện nội dung Công ước được thực hiện thông qua các Ủy ban.

Cụ thể, Ủy ban thứ nhất chịu trách nhiệm xem xét và hoàn thiện các quy định mang tính nội dung chủ yếu của Công ước, bao gồm Phần I đến Phần III (Điều 1-88). Trong khi đó, Ủy ban thứ hai đảm nhiệm việc xây dựng Phần IV – Các quy định cuối cùng (Điều 89-101), điều chỉnh những vấn đề liên quan đến thủ tục để Công ước có hiệu lực, cũng như nội dung và phạm vi của các tuyên bố (bảo lưu) mà các quốc gia thành viên được phép đưa ra khi gia nhập Công ước.

Trên cơ sở thẩm quyền được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc trao, Ủy ban thứ hai đồng thời còn soạn thảo một Nghị định thư sửa đổi Công ước năm 1974 về Thời hiệu trong mua bán hàng hóa quốc tế, nhằm điều chỉnh phạm vi áp dụng của Công ước này cho phù hợp với CISG.

Thông qua quá trình làm việc khẩn trương và sự phối hợp chặt chẽ giữa các chuyên gia về ngôn ngữ của Liên Hợp Quốc và các thành viên Ban soạn thảo, Văn bản chính thức của CISG đã được hoàn thiện bằng sáu ngôn ngữ, bao gồm: tiếng Ả Rập, tiếng Trung Quốc, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha.

Khi kết thúc Hội nghị, các văn bản do hai Ủy ban chuẩn bị được đưa ra biểu quyết tại phiên họp toàn thể, với yêu cầu mỗi điều khoản phải đạt được đa số hai phần ba số phiếu tán thành. Kết quả biểu quyết cho thấy mức độ đồng thuận rất cao: trong tổng số 88 điều khoản nội dung (Phần I-III), có 74 điều khoản được thông qua với sự nhất trí tuyệt đối, và 8 điều khoản khác chỉ phải chịu không quá hai phiếu chống. Đa số các điều khoản còn lại đều được thông qua, chỉ có hai trường hợp tỷ lệ biểu quyết ban đầu chưa đạt mức hai phần ba theo quy định. Đối với các điều khoản này, những nhóm công tác ad hoc đã được thành lập để xây dựng nên các phương án khác, và những phiên bản được điều chỉnh này sau đó đã được thông qua mà không gặp bất kỳ sự phản đối nào.

Như vậy, sau gần một thập kỷ nghiên cứu, chuẩn bị, soạn thảo và đàm phán, Công ước Viên về Hợp đồng Mua bán Hàng hóa Quốc tế (CISG) đã chính thức được thông qua tại thành phố Viên (Áo) vào ngày 11 tháng 4 năm 1980, đánh dấu sự ra đời của một khuôn khổ pháp lý bao quát và có ảnh hưởng sâu rộng trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế.

2.4. Hiệu lực thi hành và cơ chế gia nhập CISG

Theo Điều 99 (1) CISG, Công ước có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng liền kề sau khi kết thúc thời hạn mười hai tháng, kể từ ngày Liên Hợp Quốc nhận được văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập thứ mười, kể cả trong trường hợp văn kiện đó kèm theo tuyên bố bảo lưu theo Điều 92. Điều kiện này đã được đáp ứng vào ngày 11/12/1986, do đó, CISG chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/01/1988.

Tuy nhiên, thời điểm Công ước bắt đầu có hiệu lực đối với từng quốc gia thành viên không diễn ra đồng loạt. Để trở thành thành viên của CISG, mỗi quốc gia phải nộp văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập cho Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc. Theo quy định tại Điều 99(2) CISG, Công ước sẽ có hiệu lực đối với quốc gia đó kể từ ngày đầu tiên của tháng tiếp theo sau khi hết thời hạn mười hai tháng, tính từ ngày Liên Hợp Quốc nhận được văn kiện tương ứng. Điều này phần nào giúp các quốc gia có một khoảng thời gian chuyển tiếp hợp lý để chuẩn bị cho việc nội luật hóa các quy định Công ước vào pháp luật quốc gia hoặc có các hành động thích hợp khác.

3. CISG trong giai đoạn hiện nay

Cho đến ngày nay, CISG đã trở thành một trong những công ước quốc tế thành công nhất và nhận được sự chấp nhận rộng rãi trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Tính đến năm 2024, theo báo cáo của UNCITRAL và Liên Hợp Quốc, đã có 97 quốc gia phê chuẩn hoặc gia nhập CISG, bao gồm cả các cường quốc kinh tế hàng đầu thế giới như Hoa Kỳ, Đức, Pháp, Canada, Australia và Nhật Bản, cũng như nhiều quốc gia đang phát triển như Lào, Việt Nam, Brazil, Cuba. Việc CISG được lựa chọn áp dụng bởi các nền kinh tế lớn với hoạt động thương mại quốc tế sôi động, đồng thời được chấp nhận bởi các quốc gia có nền kinh tế đang trong quá trình trưởng thành, với sự đa dạng về truyền thống và văn hóa pháp lý, đã trở thành minh chứng rõ nét cho tính hiệu quả, tính linh hoạt và mức độ tin cậy cao của Công ước trong thực tiễn áp dụng.

Những đóng góp của CISG đối với quá trình thống nhất và hài hòa hóa pháp luật về mua bán hàng hóa quốc tế được thể hiện trên nhiều phương diện; có thể kể đến như:

- ***CISG được xem là một hình mẫu pháp lý quốc tế, đóng vai trò như một “ngôn ngữ chung” trong hoạt động lập pháp quốc tế cũng như trong quá trình xây dựng và sửa đổi pháp luật quốc gia.***

Bên cạnh vai trò là một điều ước quốc tế điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa, CISG còn là một nguồn tham khảo pháp lý quan trọng cho các bộ nguyên tắc lớn trong lĩnh vực luật thương mại quốc tế, điển hình là Bộ nguyên tắc UNIDROIT về Hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) và Bộ nguyên tắc Luật hợp đồng châu Âu (PECL), vốn phản ánh nhiều khái niệm và cách tiếp cận tương đồng với CISG.

Ở cấp độ pháp luật quốc gia, CISG đóng vai trò là nguồn tham chiếu trong quá trình cải cách và hoàn thiện pháp luật hợp đồng của nhiều quốc gia, trong đó có các nước Bắc Âu như Phần Lan, Thụy Điển và Na Uy.

- ***CISG mang lại những lợi ích thương mại rõ rệt cho các chủ thể tham gia quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế.***

CISG thiết lập một khung pháp lý thống nhất nhưng linh hoạt, dung hòa các truyền thống pháp luật khác nhau và bảo đảm sự cân bằng lợi ích giữa bên bán và bên mua trong toàn bộ quá trình từ giao kết đến việc thực hiện hợp đồng. Công ước giúp các bên dễ dàng dự liệu quyền và nghĩa vụ của mình, giảm thiểu chi phí giao dịch, hạn chế rủi ro phát sinh từ việc phải lựa

chọn và nghiên cứu pháp luật nước ngoài. Đồng thời, việc áp dụng CISG còn góp phần đơn giản hóa quá trình đàm phán và soạn thảo hợp đồng, cho phép các bên tập trung vào các điều khoản thương mại cốt lõi, từ đó làm tăng khả năng đạt được thỏa thuận. Trên cơ sở đó, hoạt động giao kết hợp đồng trong thương mại quốc tế được thúc đẩy theo hướng ổn định và hiệu quả hơn, đồng thời củng cố mức độ tin cậy giữa các bên trong quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế.

- ***CISG góp phần nâng cao đáng kể tính đoán định và mức độ minh bạch pháp lý trong hoạt động thương mại quốc tế.***

Việc áp dụng một khuôn khổ pháp lý thống nhất giúp các bên hạn chế rủi ro phát sinh từ việc phải nghiên cứu pháp luật nước ngoài hoặc vận dụng các quy phạm xung đột trong tư pháp quốc tế. Bên cạnh đó, thực tiễn áp dụng phong phú của CISG, với hàng nghìn vụ việc đã được giải quyết, cùng hệ thống án lệ và tài liệu tham chiếu đáng tin cậy như CLOUT (Case Law on UNCITRAL Texts), UNILEX (International Case Law & Bibliography by UNIDROIT) và các ý kiến của Hội đồng tư vấn CISG (CISG Advisory Council) đã củng cố vai trò của Công ước như một chuẩn mực pháp lý ổn định trong thương mại toàn cầu.

- ***CISG được ứng dụng rộng rãi trong thực tiễn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài với vai trò là một trong những nguồn luật được sử dụng phổ biến.***

Nhờ tính trung lập và có sự tương thích cao với đặc thù của các giao dịch mua bán hàng hóa xuyên biên giới, CISG thường xuyên được các bên trong tranh chấp lẫn hội đồng trọng tài lựa chọn áp dụng để giải quyết tranh chấp. Việc vận dụng CISG không chỉ góp phần bảo đảm tính nhất quán và khả năng dự đoán của các phán quyết, mà còn giúp đơn giản hóa quá trình xác định luật áp dụng, hạn chế việc phải viện dẫn các quy phạm xung đột để xác định pháp luật quốc gia điều chỉnh cho từng quan hệ pháp luật.

Thực tiễn cho thấy, với số lượng đáng kể các phán quyết trọng tài viện dẫn và áp dụng CISG, Công ước đã trở thành một chuẩn mực pháp lý quen thuộc trong hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế, đồng thời góp phần củng cố vai trò của trọng tài như một cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả, linh hoạt và phù hợp với nhu cầu của các chủ thể kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa.

4. Kết luận

Nhìn lại toàn bộ tiến trình hình thành và phát triển của CISG, có thể thấy sự ra đời của Công ước là kết quả của một quá trình tích lũy lâu dài, được thúc đẩy bởi cả nhu cầu khách quan của thương mại quốc tế lẫn nỗ lực chung của cộng đồng pháp lý quốc tế trong việc hướng tới mục tiêu thống nhất và hài hòa hóa pháp luật. CISG vì vậy không chỉ phản ánh sự phát triển của thực tiễn giao thương xuyên biên giới, mà còn thể hiện một cách tiếp cận pháp lý thận trọng, dung hòa và có khả năng thích ứng với sự đa dạng của các hệ thống pháp luật quốc gia.

Từ những nỗ lực đặt nền móng ban đầu tại UNIDROIT, qua các thử nghiệm mang tính tiền đề nhưng còn nhiều hạn chế của ULIS và ULF, cho đến quá trình soạn thảo của các chuyên gia pháp luật hàng đầu dưới sự bảo trợ của UNCITRAL, CISG là kết quả của sự chọn lọc, kế thừa những giá trị tiến bộ nhất và đã khắc phục được phần lớn những bất cập của các mô hình pháp lý tiền nhiệm. Chính tinh thần này đã giúp CISG đạt được sự chấp thuận rộng rãi bởi các quốc gia trên thế giới, qua đó khẳng định vị thế của mình – là một trong những công ước thành công nhất cho đến ngày nay.

Đối với Việt Nam, việc gia nhập CISG và áp dụng Công ước từ ngày 01/01/2017 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời tạo cơ sở cho việc hoàn thiện khung pháp lý về hợp đồng và tăng cường mức độ an toàn pháp lý cho các chủ thể kinh doanh. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, CISG đã và đang tiếp tục giữ vững vai trò là một khuôn khổ pháp lý quan trọng, tạo nền tảng cho các quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế được diễn ra một cách ổn định và hiệu quả.

• Công ty luật SenLaw
2025-2026



Tel: 028 7307 3579
Hotline: 098 5707 200



Email: luatsu@senlaw.vn
www.senlaw.vn



41-43 Trần Cao Vân, Phường Xuân
Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Legal Insight